

Số: 260 /QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy
cho sinh viên các khóa cũ trả nợ học phần**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-LTT-TC ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1267/QĐ-LTT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ biên bản buổi họp xét công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên bậc cao đẳng năm học 2019 - 2020;

Theo đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy cho 166 sinh viên các khóa cũ, cụ thể như sau:

1. Khóa 15CĐ, 16CĐ : 63 sinh viên

2. Khóa 17C1 : 103 sinh viên

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, đã nộp chứng chỉ Tin học và tiếng Anh theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY ĐỢT XÉT THÁNG 3 NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 260 /QĐ-LTT-ĐT ngày 26 tháng 3 năm 2020
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

ST T	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Số môn điểm F	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Đã có chứng chỉ		Ghi chú
												TH	TA	
1	15000501	Đặng Phước	Toàn	Nam	13/12/1997	Bến Tre	15CĐ-ĐCN1	0	101	6,02	Trung bình			
2	15001415	Nguyễn Đình	Thống	Nam	31/01/1997	Long An	15CĐ-ĐCN3	0	101	6,16	Trung bình	A	B	
3	15003111	Nguyễn Quang	Trường	Nam	23/7/1997	Lâm Đồng	15CĐ-ĐCN3	0	101	5,62	Trung bình	A	B	
4	15002267	Kiều Chính	Nghĩa	Nam	12/3/1995	Ninh Thuận	15CĐ-ĐCN4	0	101	5,61	Trung bình		B	
5	15002608	Mai Trọng	Quý	Nam	27/11/1997	Bắc Ninh	15CĐ-ĐCN4	0	101	7,90	Khá	A	B	
6	15002824	Bùi Phạm Hữu	Cường	Nam	14/3/1997	Tp. Hồ Chí Minh	15CĐ-CTM5	0	101	5,52	Trung bình	A	B	
7	15000902	Nguyễn Trung	Tín	Nam	01/9/1997	Phú Yên	15CĐ-Ô1	0	101	5,82	Trung bình	A	B	
8	15000587	Nguyễn Minh	Trường	Nam	06/7/1997	Tiền Giang	15CĐ-Ô2	0	103	5,91	Trung bình		B	
9	15001153	Trương Võ Tấn	Huy	Nam	19/9/1995	Ninh Thuận	15CĐ-Ô4	0	101	5,94	Trung bình	A	B	
10	15001681	Vũ Phạm Thái	Bình	Nam	02/02/1996	Đắk Lắk	15CĐ-Ô6	0	101	6,74	Trung bình	A	B	
11	15001516	Nguyễn Nhật	Tuân	Nam	10/02/1997	Cần Thơ	15CĐ-Ô6	0	101	6,05	Trung bình		B	
12	15000439	Nguyễn Quang	Huy	Nam	16/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	15CĐ-TP1	0	101	5,99	Trung bình		B	
13	16002385	Huỳnh Tấn	Chánh	Nam	01/01/1998	Bình Định	16CĐ-ĐCN1	0	101	6,21	Trung bình	A		
14	16001040	Nguyễn Đình	Duy	Nam	20/6/1998	Quảng Ngãi	16CĐ-ĐCN1	0	101	6,00	Trung bình	A	B	
15	16002550	Lê Phong	Hào	Nam	11/9/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-ĐCN1	0	101	6,16	Trung bình	A	B	
16	16001201	Nguyễn Duy	Kha	Nam	02/5/1998	Bình Định	16CĐ-ĐCN1	0	101	6,49	Trung bình		B	
17	16000865	Nguyễn Vũ	Phát	Nam	29/8/1998	Cà Mau	16CĐ-ĐCN1	0	101	6,17	Trung bình		B	

ST T	Mã SV	Họ đệm Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Số môn điểm F	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Đã có chứng chỉ		Ghi chú
												TH	TA	
18	16002466	Hoàng Trọng	Son	Nam	15/8/1995	Gia Lai	16CĐ-ĐCN1	0	101	6,59	Trung bình	A	B	
19	16001091	Trương Quang	Vinh	Nam	10/5/1997	Đồng Nai	16CĐ-ĐCN1	0	101	6,11	Trung bình		B	
20	16002906	Ngô Khắc	Bảo	Nam	18/4/1998	Bình Thuận	16CĐ-ĐCN2	0	101	6,44	Trung bình	A	B	
21	16002891	Nguyễn Ngọc	Khởi	Nam	06/01/1997	Đồng Tháp	16CĐ-ĐCN2	0	101	6,03	Trung bình	A		
22	16002934	Trần Xuân	Minh	Nam	15/6/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-ĐCN2	0	101	5,99	Trung bình	A	B	
23	16002782	Lương Hoài	Nam	Nam	03/12/1998	Đồng Tháp	16CĐ-ĐCN2	0	101	6,44	Trung bình	A	B	
24	16003370	Phan Xuân	Đức	Nam	19/3/1998	Bình Định	16CĐ-ĐCN3	0	101	5,61	Trung bình			
25	16003765	Hoàng Thế	Lực	Nam	30/4/1996	Cần Thơ	16CĐ-ĐCN3	0	101	6,70	Trung bình	A	B	
26	16003411	Lư Trần	Oai	Nam	01/11/1998	Bình Thuận	16CĐ-ĐCN3	0	101	5,90	Trung bình			
27	16003847	Nguyễn Trọng	Thiến	Nam	25/5/1998	Cà Mau	16CĐ-ĐCN3	0	101	6,83	Trung bình	A	B	
28	16003704	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	25/02/1997	Bình Thuận	16CĐ-ĐCN3	0	101	6,04	Trung bình	A	B	
29	16001398	Đỗ Thanh	An	Nam	26/8/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-ĐCN4	0	101	5,75	Trung bình			
30	16001603	Lý Thành	Đạt	Nam	11/5/1997	Bình Phước	16CĐ-ĐCN4	0	101	6,46	Trung bình		B	
31	16001683	Đỗ Phước Nhật	Minh	Nam	19/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-ĐCN4	0	101	6,47	Trung bình	A	B	
32	16001330	Hồ Thanh	Phong	Nam	25/9/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-ĐCN4	0	101	5,65	Trung bình			
33	16002210	Nguyễn Văn	Đel	Nam	15/10/1997	Cà Mau	16CĐ-ĐCN5	0	101	6,03	Trung bình	A	B	
34	16003020	Bay Công	Hậu	Nam	14/9/1998	Đồng Nai	16CĐ-ĐCN5	0	101	5,87	Trung bình			
35	16001569	Kiều Anh	Hào	Nam	02/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-ĐL1	0	101	6,04	Trung bình	A		
36	16002683	Ngô Thành	Công	Nam	03/9/1998	Đắk Lắk	16CĐ-CTM2	0	101	5,94	Trung bình		B	
37	16003096	Lê Văn Thành	Đạt	Nam	17/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐ-CTM2	0	101	6,33	Trung bình	A	B	
38	16002826	Trần Văn	Hung	Nam	10/4/1998	Đắk Lắk	16CĐ-CTM2	0	101	5,94	Trung bình	A		
39	16002183	Vũ Hoàng	Linh	Nam	28/3/1998	Đồng Nai	16CĐ-CTM4	0	101	5,71	Trung bình	A		

ST T	Mã SV	Họ đệm Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Số môn điểm F	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Đã có chứng chỉ		Ghi chú
												TH	TA	
40	16001094	Nguyễn Huỳnh Gia	Bảo	Nam	19/3/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16CD-Ô1	0	101	6,29	Trung bình			
41	16001095	Bùi Đức Công	Danh	Nam	02/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CD-Ô1	0	101	6,72	Trung bình	A	B	
42	16000704	Nguyễn Hữu	Toàn	Nam	17/5/1998	Ninh Thuận	16CD-Ô1	0	102	5,91	Trung bình	A	B	
43	16000765	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	15/11/1998	Tiền Giang	16CD-Ô1	0	101	6,26	Trung bình	A		
44	16001368	Phạm Đức	Trí	Nam	04/8/1998	Đồng Tháp	16CD-Ô2	0	101	6,40	Trung bình		B	
45	16001552	Diệp Thanh	Nam	Nam	03/3/1998	Ninh Thuận	16CD-Ô3	0	102	6,03	Trung bình		B	
46	16001031	Phạm Văn Minh	Nhật	Nam	19/5/1998	Đồng Tháp	16CD-Ô4	0	101	6,20	Trung bình			
47	16002048	Hồ Minh	Hiếu	Nam	21/9/1998	Tiền Giang	16CD-Ô5	0	101	5,99	Trung bình	A	B	
48	16002013	Phan Thanh	Lâm	Nam	16/8/1997	Thừa Thiên -Huế	16CD-Ô5	0	101	6,64	Trung bình	A	B	
49	16002033	Nguyễn Duy	Tân	Nam	10/01/1998	Bình Thuận	16CD-Ô5	0	101	6,30	Trung bình	A	B	
50	16003741	Hà Văn	Đông	Nam	25/3/1998	Ninh Bình	16CD-Ô6	0	101	5,90	Trung bình	A	B	
51	16002353	Lê Quang	Sơn	Nam	20/5/1996	Lâm Đồng	16CD-Ô6	0	102	5,93	Trung bình	A	B	
52	16002333	Nguyễn Thanh. Anh	Tuấn	Nam	25/7/1997	Đắk Lắk	16CD-Ô6	0	101	6,00	Trung bình	A	B	
53	16001088	Võ Thanh	Việt	Nam	30/5/1997	Long An	16CD-Ô6	0	101	6,25	Trung bình	A	B	
54	16002970	Trần Hoàng	Huy	Nam	05/10/1998	Bình Thuận	16CD-Ô9	0	101	6,11	Trung bình	A	B	
55	16002979	Hồ Duy	Thanh	Nam	20/5/1998	Lâm Đồng	16CD-Ô9	0	101	6,33	Trung bình	A	B	
56	16001270	Nguyễn Đình	Thủy	Nam	25/9/1998	Ninh Thuận	16CD-Ô9	0	101	6,54	Trung bình	A	B	
57	16000938	Trần Hữu	Phúc	Nam	19/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CD-Ô10	0	101	6,31	Trung bình	A	B	
58	16000922	Nguyễn Đức	Thái	Nam	30/9/1998	Tiền Giang	16CD-Ô10	0	101	5,89	Trung bình	A	B	
59	16003451	Trần Phan Quốc	Bảo	Nam	09/12/1998	Khánh Hoà	16CD-TP1	0	101	6,01	Trung bình			
60	16001860	Tôn Chí	Hùng	Nam	10/5/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CD-TP1	0	101	6,23	Trung bình		B	
61	16000928	Vương Gia	Quý	Nam	12/9/1998	Đồng Nai	16CD-TP1	0	101	6,11	Trung bình		B	
62	16002985	Hoàng Công	Tài	Nam	02/9/1998	Đắk Lắk	16CD-TP1	0	102	6,22	Trung bình			
63	16003408	Nguyễn Thế Anh	Tuấn	Nam	16/7/1998	Nghệ An	16CD-TW1	0	101	6,15	Trung bình		B	

ST T	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Số môn điểm F	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Đã có chứng chỉ		Ghi chú
												TH	TA	
64	17001912	Nguyễn Hoàng	An	Nam	18/6/1999	Kiên Giang	17C1-ĐCN1	0	73	5,92	Trung bình	A		
65	17000890	Võ Thế	Bảo	Nam	20/6/1999	Tiền Giang	17C1-ĐCN1	0	73	5,76	Trung bình	A	B	
66	17001920	Lâm Hà	Nam	Nam	10/10/1999	Quảng Ngãi	17C1-ĐCN1	0	73	6,23	Trung bình		B	
67	17001921	Trần Xuân	Tín	Nam	12/11/1999	Kiên Giang	17C1-ĐCN1	0	73	6,11	Trung bình		B	
68	17000531	Nguyễn Phúc	Trọng	Nam	07/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-ĐCN1	0	73	6,17	Trung bình	A	B	
69	17003728	Lê Quốc	Chung	Nam	04/3/1998	Long An	17C1-ĐCN3	0	73	6,44	Trung bình			
70	17003028	Dương Văn	Cơ	Nam	27/4/1999	Đắk Lắk	17C1-ĐCN3	0	73	6,29	Trung bình	A	B	
71	17003324	Nguyễn Minh	Cường	Nam	22/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-ĐCN3	0	73	5,51	Trung bình	A	B	
72	17003033	Trần Nguyễn Minh	Đức	Nam	18/6/1997	Long An	17C1-ĐCN3	0	73	6,12	Trung bình	A	B	
73	17004826	Phan Anh	Duy	Nam	23/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-ĐCN3	0	73	6,31	Trung bình	A	B	
74	17003341	Nguyễn Hoàn	Hải	Nam	24/11/1999	Long An	17C1-ĐCN3	0	73	6,00	Trung bình		B	
75	17003438	Nguyễn Phước	Hiền	Nam	05/5/1999	Long An	17C1-ĐCN3	0	73	6,13	Trung bình	A		
76	17003716	Nguyễn Anh	Kiệt	Nam	25/6/1998	Bình Thuận	17C1-ĐCN3	0	73	6,13	Trung bình		B	
77	17003881	Lê Viết	Lợi	Nam	17/12/1999	Phú Yên	17C1-ĐCN3	0	73	6,28	Trung bình			
78	17003334	Đặng Thành	Đạt	Nam	20/5/1999	Đồng Tháp	17C1-ĐCN4	0	73	5,82	Trung bình			
79	17004223	Trần Trọng	Nghĩa	Nam	28/5/1999	Long An	17C1-ĐCN4	0	73	6,13	Trung bình	A	B	
80	17004079	Úc Vạn	Niên	Nam	04/10/1997	Bình Thuận	17C1-ĐCN4	0	73	6,03	Trung bình			
81	17001689	Linh Thành	Cơ	Nam	28/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-ĐĐT1	0	73	6,53	Trung bình	A		
82	17002778	Bùi Việt	Lâm	Nam	14/10/1999	Quảng Ngãi	17C1-ĐĐT2	0	73	6,58	Trung bình	A	B	
83	17002760	Lê Minh	Trí	Nam	22/6/1999	Bình Định	17C1-ĐĐT2	0	73	6,43	Trung bình	A	B	
84	17003353	Nguyễn Trung Anh	Hào	Nam	03/12/1996	Long An	17C1-ĐĐT3	0	73	7,20	Khá	A	B	
85	17003362	Nguyễn Trần Khai	Nguyên	Nam	10/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-ĐĐT3	0	73	6,03	Trung bình	A	B	
86	17003777	Lê Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	01/8/1999	Tây Ninh	17C1-ĐĐT4	0	73	6,69	Trung bình		B	
87	17004217	Trương Ngọc	Duy	Nam	10/12/1995	Ninh Bình	17C1-ĐĐT4	0	73	6,43	Trung bình			
88	17004337	Nguyễn Anh	Hào	Nam	21/8/1999	Bình Định	17C1-ĐĐT4	0	73	6,98	Trung bình	A		
89	17003946	Huỳnh Văn	Khăm	Nam	02/9/1998	Cà Mau	17C1-ĐĐT4	0	73	5,90	Trung bình	A	B	
90	17003664	Vương Phùng Đăng	Khoa	Nam	16/7/1998	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-ĐĐT4	0	73	6,41	Trung bình	A		
91	17004041	Trương Minh	Thương	Nam	04/3/1999	Bình Thuận	17C1-ĐĐT4	0	73	6,72	Trung bình	A	B	
92	17004613	Lê Minh	Quốc	Nam	03/11/1999	Quảng Ngãi	17C1-CĐT1	0	73	7,01	Khá	A	B	
93	17004577	Phạm Dư	Viên	Nam	16/10/1993	Lâm Đồng	17C1-CĐT1	0	73	6,65	Trung bình			
94	17000702	Nguyễn Duy	Thái	Nam	20/8/1999	Trà Vinh	17C1-TĐH1	0	73	6,19	Trung bình	A		

ST T	Mã SV	Họ đệm Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Số môn điểm F	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Đã có chứng chỉ		Ghi chú
												TH	TA	
95	17002785	Nguyễn Ngọc	Phúc	Nam	12/4/1999	Đồng Tháp	17C1-VSL1	0	73	6,76	Trung bình	A	B	
96	17004238	Nguyễn Hùng Trung	Dũng	Nam	29/4/1999	Hậu Giang	17C1-VSL2	0	73	6,25	Trung bình		B	
97	17003115	Nguyễn Đức	Chính	Nam	06/4/1999	Quảng Ngãi	17C1-CNL1	0	73	6,57	Trung bình	A		
98	17003464	Nguyễn Văn	Sáng	Nam	20/3/1999	Ninh Thuận	17C1-CNL1	0	73	6,00	Trung bình		B	
99	17003169	Bùi Duy	Tân	Nam	09/12/1999	Bình Thuận	17C1-CNL1	0	73	6,05	Trung bình		B	
100	17004793	Nguyễn Thế	Anh	Nam	08/3/1991	Bến Tre	17C1-KML2	0	73	5,88	Trung bình	A	B	
101	17001922	Võ Đăng	Khang	Nam	14/9/1999	Long An	17C1-BCN1	0	73	5,99	Trung bình		B	
102	17003800	Nguyễn Văn	Nhút	Nam	25/3/1999	Tây Ninh	17C1-BCN1	0	73	6,32	Trung bình			
103	17002338	Tôn Minh	Quốc	Nam	20/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-BCN1	0	73	6,64	Trung bình		B	
104	17002682	Trần Hoàng	Thái	Nam	03/12/1999	Long An	17C1-BCN1	0	73	5,86	Trung bình		B	
105	17001840	Nguyễn Trương Hồng	Thiên	Nam	08/10/1999	Bình Thuận	17C1-BCN1	0	73	6,70	Trung bình		B	
106	17001339	Bùi Minh	Thuận	Nam	24/4/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CCK1	0	73	6,13	Trung bình	A	B	
107	17002583	Vò Trí	Hoài	Nam	09/8/1999	Long An	17C1-CCK4	0	73	5,59	Trung bình		B	
108	17002367	Lê Minh	Phương	Nam	18/02/1999	Quảng Ngãi	17C1-CCK4	0	73	6,57	Trung bình		B	
109	17002706	Nguyễn Hữu	Trí	Nam	10/6/1999	Bình Thuận	17C1-CCK5	0	74	6,91	Trung bình			
110	17002960	Sơn Minh	Phúc	Nam	18/02/1999	Đồng Nai	17C1-CCK6	0	73	6,95	Trung bình		B	
111	17003215	Tô Thành	Trung	Nam	16/6/1999	Bến Tre	17C1-CCK7	0	73	6,35	Trung bình		B	
112	17003935	Lê Chí	Dương	Nam	03/3/1998	Quảng Ngãi	17C1-CCK8	0	73	6,17	Trung bình	A	B	
113	17003888	Nguyễn Văn	Phước	Nam	30/6/1998	Vĩnh Long	17C1-CCK8	0	73	5,79	Trung bình	A	B	
114	17003749	Nguyễn Chí	Thành	Nam	14/5/1999	Long An	17C1-CCK8	0	73	6,10	Trung bình	A		
115	17004009	Ngô Minh	Tú	Nam	17/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CCK8	0	73	6,92	Trung bình	A	B	
116	17004855	Đỗ Văn	Minh	Nam	18/3/1998	Thanh Hoá	17C1-CKL1	0	73	6,05	Trung bình	A		
117	17003515	Đỗ Đăng	Khang	Nam	01/9/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	17C1-CTM2	0	73	5,86	Trung bình	A		
118	17004110	Khổng Trần Anh	Thiện	Nam	19/12/1998	Bình Định	17C1-CTM2	0	73	6,29	Trung bình		B	
119	17003552	Nguyễn Anh	Tiên	Nam	03/6/1999	Đồng Nai	17C1-CTM2	0	73	6,81	Trung bình	A	B	
120	17002825	Hồ Anh	Việt	Nam	29/5/1998	Đắk Nông	17C1-CTM2	0	73	5,72	Trung bình	A		

ST T	Mã SV	Họ đệm Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Số môn điểm F	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Đã có chứng chỉ		Ghi chú
												TH	TA	
121	17000451	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	07/02/1998	Bạc Liêu	17C1-CNÔ1	0	73	6,21	Trung bình		B	
122	17000450	Nguyễn Việt	Thái	Nam	16/8/1998	Bạc Liêu	17C1-CNÔ1	0	73	5,89	Trung bình		B	
123	17004265	Vũ Thành	Đức	Nam	28/01/1999	Nam Định	17C1-CNÔ2	0	73	6,24	Trung bình			
124	17001007	Nguyễn Nhựt	Bản	Nam	27/11/1999	Long An	17C1-CNÔ3	0	73	6,43	Trung bình	A	B	
125	17001003	Nguyễn Thành	Dur	Nam	27/3/1999	Đồng Tháp	17C1-CNÔ3	0	73	6,60	Trung bình	A	B	
126	17004062	Phan Việt	Hùng	Nam	07/10/1998	Bình Định	17C1-CNÔ3	0	73	6,38	Trung bình			
127	17001343	Phạm Đức	Huy	Nam	16/4/1999	Tiền Giang	17C1-CNÔ3	0	73	6,33	Trung bình			
128	17003978	Bùi Long	Khánh	Nam	23/3/1999	Bình Định	17C1-CNÔ3	0	73	6,20	Trung bình	A	B	
129	17001012	Trần Minh	Khoa	Nam	21/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CNÔ3	0	73	6,38	Trung bình	A	B	
130	17000980	Nguyễn Ngọc	Ngà	Nam	03/3/1999	Đồng Nai	17C1-CNÔ3	0	73	6,51	Trung bình	A	B	
131	17001006	Nguyễn Hải	Son	Nam	29/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CNÔ3	0	73	6,73	Trung bình	A	B	
132	17000987	Trần Ngọc	Son	Nam	17/10/1999	Đồng Nai	17C1-CNÔ3	0	73	6,97	Trung bình	A	B	
133	17001042	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	24/6/1999	Đắk Lắk	17C1-CNÔ3	0	73	6,06	Trung bình		B	
134	17001218	Trần Thông	Trí	Nam	22/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CNÔ5	0	73	6,43	Trung bình	A	B	
135	17001338	Huỳnh Văn	Trung	Nam	27/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CNÔ5	0	73	6,60	Trung bình	A	B	
136	17001543	Phùng Tấn	Hung	Nam	01/10/1999	Long An	17C1-CNÔ7	0	73	6,43	Trung bình	A	B	
137	17001730	Đàm Thanh	Hải	Nam	27/9/1998	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CNÔ9	0	73	6,35	Trung bình		B	
138	17002740	Nguyễn Hồng Trung	Nguyên	Nam	16/4/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CNÔ12	0	73	5,80	Trung bình			
139	17002562	Trần Lê Minh	Triều	Nam	27/12/1999	Long An	17C1-CNÔ12	0	73	6,48	Trung bình		B	
140	17000862	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Châu	Nữ	17/12/1999	Tiền Giang	17C1-CNM1	0	73	6,62	Trung bình	A	B	
141	17001628	Phạm Thị Hồng	Nhi	Nữ	18/4/1999	Long An	17C1-CNM1	0	73	7,24	Khá	A	B	
142	17002672	Phan Thị	Thêm	Nữ	03/02/1999	Phú Yên	17C1-CNM2	0	73	6,69	Trung bình	A		
143	17003455	Trần Thanh	Tài	Nam	27/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-ANM1	0	73	6,21	Trung bình			
144	17001237	Đặng Hoài	Bảo	Nam	06/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CMT1	0	73	6,14	Trung bình		B	
145	17003746	Đỗ Thanh	Duy	Nam	17/9/1998	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CMT1	0	73	6,10	Trung bình		B	
146	17002956	Đoàn Lê Xuân	Hải	Nam	19/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CMT1	0	74	6,11	Trung bình			
147	17002690	Nguyễn Quang	Lâm	Nam	20/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CMT1	0	73	6,12	Trung bình			
148	17004141	Nguyễn Tấn	Luyến	Nam	20/8/1999	Đắk Lắk	17C1-CMT1	0	73	5,88	Trung bình		B	

ST T	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Số môn điểm F	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Đã có chứng chỉ		Ghi chú
												TH	TA	
149	17003287	Phan Hữu	Thắng	Nam	06/6/1999	Quảng Bình	17C1-CMT1	0	74	6,44	Trung bình		B	
150	17000618	Nguyễn Gia	Bảo	Nam	25/12/1998	Phú Yên	17C1-LTM1	0	73	6,17	Trung bình			
151	17003332	Lê Trường	Giang	Nam	03/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-LTM2	0	73	5,98	Trung bình			
152	17003387	Bùi Đặng	Tân	Nam	20/4/1999	Gia Lai	17C1-LTM2	0	73	6,85	Trung bình			
153	17004697	Đặng Nhật	Duy	Nam	05/12/1999	Bình Định	17C1-QTM1	0	73	5,63	Trung bình		B	
154	17001031	Lê	Linh	Nam	21/4/1998	Bình Thuận	17C1-QTM1	0	73	6,81	Trung bình		B	
155	17001984	Trang Tường	Thạch	Nam	07/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-KTD1	0	73	6,18	Trung bình	A	B	
156	17004642	Trần Thu	Thảo	Nữ	01/01/1999	Sóc Trăng	17C1-KTD1	0	73	5,92	Trung bình		B	
157	17002088	Nguyễn Huỳnh	Tuyển	Nam	15/9/1999	Cà Mau	17C1-KTD1	0	73	6,18	Trung bình			
158	17002718	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	21/7/1997	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-QTD1	0	73	6,73	Trung bình	A	B	
159	17004130	Trần Thị Kim	Thoa	Nữ	10/9/1999	Đồng Tháp	17C1-QTD1	0	73	6,62	Trung bình	A		
160	17004113	Hoàng Anh	Trúc	Nữ	12/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-QTD1	0	73	6,72	Trung bình	A	B	
161	17004686	Đặng Hải	Châu	Nam	29/6/1997	Bà Rịa-Vũng Tàu	17C1-NNA1	0	76	6,46	Trung bình	A	B	
162	17003964	Cao Minh	Hiền	Nữ	09/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-NNA1	0	76	7,98	Khá			
163	17004198	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	23/8/1999	Kon Tum	17C1-NNA1	0	76	6,85	Trung bình	A		
164	17000773	Hoàng Vũ Phương	Thanh	Nữ	15/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-NNA1	0	76	6,06	Trung bình			
165	17003672	Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	11/4/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-NNA1	0	76	7,46	Khá			
166	17001164	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	25/3/1996	Gia Lai	17C1-NNA1	0	77	6,62	Trung bình			

Tổng cộng danh sách là 166 sinh viên, trong đó:

Khá 06 SV 3,61%
 Trung bình 160 SV 96,39%